TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 730/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Văn Dương.
2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Thùy Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 24/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 11/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993. (có mặt)
Căn cước công dân số: 079193030645, cấp ngày 10/02/2022.
Địa chỉ: 6, tổ A, ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh Thế P, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Căn cước công dân số: 079090002137, cấp ngày 12/01/2022.
Địa chỉ: Số D (Quán C), H, ấp G, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huỳnh Thế P là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kế hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2023, ngày 10/4/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng bà đánh bà nhiều lần, hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vả, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, bà đã nhiều lần khuyên chồng bà thay đổi để cùng chăm lo cho con nhỏ, nhưng chồng bà vẫn tính nào tật đó không thay đổi, không lo cho vợ con,…Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về quan hện hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Thế P.

Về con chung: Bà và ông P có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Cát T, sinh ngày 28/7/2023. Bà có nguyện vọng sau khi ly hôn bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung do con chung hiện do bà đang trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, bản chính giấy kết hôn, bản sao: Căn cước công dân, khai sinh con.

Tại phiên tòa:

Bà H trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Thế P. Về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Cát T, bà xin rút lại yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông P; Con chung: bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Cát T; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có; Đình chỉ yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Huỳnh Thế P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2023, ngày 10/4/2023 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà H thì mâu thuẫn giữa bà với ông P là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P đánh bà nhiều lần, hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vả, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, bà đã nhiều lần khuyên ông P thay đổi để cùng chăm lo cho con nhỏ, nhưng ông P vẫn tính nào tật đó không thay đổi, không lo cho vợ con,… Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông P không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Cát T, sinh ngày 28/7/2023, hiện bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ T chưa tròn 36 tháng tuổi và bà H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T. Vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao trẻ T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa, bà H xin rút lại yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ là có cơ sở.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Thế P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2023, ngày 10/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Cát T, sinh ngày 28/7/2023. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0063989 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực X;
- Chi cục THADS Khu vực X;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương